TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 307/2026/QĐST - HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 08 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

Căn cứ vào các Điều 212; Điều 213; Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 305/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2026 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Người yêu cầu: anh Đào Ngọc T, sinh năm 1982.

+ Người yêu cầu: chị Trịnh Thị N, sinh năm 1982.

Cùng nơi cư trú: 34, khu C, phường C, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa anh Đào Ngọc T và chị Trịnh Thị N là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là Uỷ ban nhân phường H, tỉnh Quảng Ninh) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 68 ngày 25/11/2004. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh T, chị N đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nay anh T, chị N xác định không còn tình cảm, không còn khả năng đoàn tụ, không thể tiếp tục kéo dài đời sống chung. Vì vậy, việc anh T, chị N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về con chung: anh Đào Ngọc T và chị Trịnh Thị N có 02 con chung là Đào Thị Kim N1, sinh ngày 02/01/2007 và Đào Minh T1, sinh ngày 23/6/2019. Nay ly hôn anh T và chị N thỏa thuận: chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đào Minh T1 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con Đào Minh T1

Đối với con chung Đào Thị Kim N1 nay đã thành niên, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

[3] Về tài sản chung: anh Đào Ngọc T và chị Trịnh Thị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: anh Đào Ngọc T và chị Trịnh Thị N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: anh Đào Ngọc T và chị Trịnh Thị N thỏa thuận: chị Trịnh Thị N là người chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành của các đương sự ngày 30 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: anh Đào Ngọc T và chị Trịnh Thị N thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: anh Đào Ngọc T và chị Trịnh Thị N có 02 con chung là Đào Thị Kim N1, sinh ngày 02/01/2007 và Đào Minh T1, sinh ngày 23/6/2019.

Chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đào Minh T1 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Đối với con chung Đào Thị Kim N1, nay đã thành niên (đủ 18 tuổi), không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không đề cập giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung:* anh Đào Ngọc T và chị Trịnh Thị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ chung*: không có.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Trịnh Thị N tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002550 ngày 17/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị N đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 – Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ việc dân sự; Văn phòng.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Thị Bạch Bích